

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TIẾP CẬN CDIO

Ngành: Ngôn ngữ Anh

(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	(1) Lý thuyết/ (2) Thực hành, thực tập / (3) Thảo luận, Bài tập/ (4) Học phần dự án/ (5) Thực tập TN/ (6) Đồ án TN						Học kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
		KIẾN THỨC BẮT BUỘC		1	2	3	4	5	6			
1	ENG30070	Nhập môn ngành Ngoại văn	3				45			1	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
2	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	45		30				1	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
4	INF20002	Tin học	3	30	15					1	Bắt buộc	Viện KT&CN
3	POL11001	Triết học Mác - Lênin	3	30		15				1	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20		10				2	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	6	45		45				2	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
7	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh	3				45			2	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
8		Tự chọn 1 (học phần 1 Ngoại ngữ thứ 2)	3	30		15				2	Bắt buộc	
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60					(1-3)	Bắt buộc	Giáo dục thể chất
9	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10				3	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
10	ENG30001	Dẫn luận ngôn ngữ	3	30		15				3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
11	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	5	45		30				3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
12	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	3				45			3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
13		Tự chọn 2 (học phần 2 Ngoại ngữ thứ 2)	4	45		15				3	Bắt buộc	
14	ENG30004	Độc - Viết tiếng Anh 1	4	45		15				4	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
15	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		10				4	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
16	ENG31005	Lý thuyết dịch	3	30		15				4	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
17	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	4	45		15				4	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
18	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	3				45			4	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
19	ENG30012	Biên dịch 1	4	45		15				5	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
20	ENG30013	Độc - Viết tiếng Anh 2	4	45		15				5	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
21	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	4	45		15				5	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
22	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10				5	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
23	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ	4				60			5	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
24	ENG30054	Viết khoa học	2	20		10				5	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
25	ENG30019	Biên dịch 2	4				60			6	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
26	ENG30021	Độc - Viết tiếng Anh 3	4	45		15				6	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
27	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	4	45		15				6	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
28	ENG30027	Phiên dịch 1	4	45		15				6	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
29		Tự chọn 3	3							6	Tự chọn	
30	ENG31031	Biên dịch 3	2	20		10				7	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
31	ENG31022	Giao tiếp giao văn hóa	4				60			7	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
32	ENG30035	Phiên dịch 2	4				60			7	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
33	ENG30057	Thực hành trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp Biên dịch	3	15	30					7	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
34	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao	2	20		10				7	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
35		Tự chọn 4	3							7	Tự chọn	
36	ENG31040	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8					75	45	8	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
		Tổng	126									

Tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ thứ 2)												
1	RUS30001	Tiếng Nga 1	3	30		15				2	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
2	FRE30001	Tiếng Pháp 1	3	30		15				2	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
3	CHI30001	Tiếng Trung 1	3	30		15				2	Tự chọn	SP Ngoại ngữ

Tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ thứ 2)												
1	RUS30002	Tiếng Nga 2	4	45		15				3	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
2	FRE30002	Tiếng Pháp 2	4	45		15				3	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
3	CHI30002	Tiếng Trung 2	4	45		15				3	Tự chọn	SP Ngoại ngữ

Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 3 học phần)												
1	ENG30024	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	30		15				6	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
2	ENG30025	Ngữ dụng học	3	30		15				6	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
3	ENG30026	Phân tích diễn ngôn	3	30		15				6	Tự chọn	SP Ngoại ngữ

Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 5 học phần)												
1	ENG30029	Quy trình xây dựng dự án	3	30		15				7	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
2	ENG30009	Tiếng Anh du lịch	3	30		15				7	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
3	ENG30010	Tiếng Anh kinh tế	3	30		15				7	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
4	ENG30011	Tiếng Anh văn phòng	3	30		15				7	Tự chọn	SP Ngoại ngữ
5	ENG30038	Truyền thông và quan hệ công chúng	3	30		15				7	Tự chọn	Chính trị và Báo chí

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng